

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2025

ĐƠN VỊ BÁO CÁO: CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP
Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyễn Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng
Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho Quý III năm 2025 kết thúc ngày 30/09/2025

DANH MỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ III NĂM 2025

STT	BIỂU SỐ	NỘI DUNG BIỂU	KÝ BÁO CÁO	TRANG
1	B01-DN	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	QUÝ III NĂM 2025	1-2
2	B02-DN	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	QUÝ III NĂM 2025	3-3
3	B03-DN	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	QUÝ III NĂM 2025	4-4
4	B09-DN	BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	QUÝ III NĂM 2025	5-21

Người lập



Nguyễn Bảo Ngọc

Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Hương



Tổng giám đốc

Dương Ngọc Tú

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Mẫu số: B01-DN

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý III năm 2025 kết thúc ngày 30/09/2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/09/2025	01/01/2025
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		338.251.589.463	360.796.526.906
(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)				
I - Tiền	110	V.1	189.503.348.884	138.606.671.177
1 - Tiền	111		158.003.348.884	136.267.728.164
2 - Các khoản tương đương tiền	112		31.500.000.000	2.338.943.013
II - Các khoản đầu tư TC ngắn hạn	120	V.2	42.000.000.000	133.000.000.000
3 - Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		42.000.000.000	133.000.000.000
III - Các khoản phải thu ngắn hạn	130		37.700.892.997	19.062.057.194
1 - Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	30.361.484.435	11.074.002.063
2 - Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		882.005.924	1.861.167.936
6 - Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	15.959.094.491	15.628.579.048
7 - Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.5	(9.501.691.853)	(9.501.691.853)
IV - Hàng tồn kho	140		29.404.069.664	39.930.054.145
1 - Hàng tồn kho	141	V.6	29.404.069.664	39.930.054.145
V - Tài sản ngắn hạn khác	150		39.643.277.918	30.197.744.390
1 - Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	2.351.465.194	2.261.518.985
2 - Thuế GTGT được khấu trừ	152		36.671.798.141	26.374.616.331
3 - Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.16	620.014.583	1.561.609.074
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		408.114.024.218	448.060.332.357
(200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)				
II - Tài sản cố định	220		384.363.466.937	416.472.851.428
1 - Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	384.363.466.937	416.472.851.428
- Nguyên giá	222		1.210.963.974.811	1.211.733.151.966
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(826.600.507.874)	(795.260.300.538)
3 - Tài sản cố định vô hình	227	V.9	-	-
- Nguyên giá	228		664.654.500	664.654.500
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(664.654.500)	(664.654.500)
III - Bất động sản đầu tư	230	V.11	2.046.323.473	2.640.417.397
- Nguyên giá	231		23.700.004.651	23.700.004.651
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(21.653.681.178)	(21.059.587.254)
IV - Tài sản dở dang dài hạn	240	V.7	-	1.224.343.997
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	1.224.343.997
V - Đầu tư tài chính dài hạn	250		309.068	309.068
3 - Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	1.437.338	1.437.338
4 - Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	V.2	(1.128.270)	(1.128.270)
VI - Tài sản dài hạn khác	260		21.703.924.740	27.722.410.467
1 - Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	21.703.924.740	27.722.410.467
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		746.365.613.681	808.856.859.263

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Mẫu số: B01-DN

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý III năm 2025 kết thúc ngày 30/09/2025

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/09/2025	01/01/2025
1	2	3	4	5
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		208.448.298.918	231.694.514.575
I - Nợ ngắn hạn	310		97.239.983.103	105.057.390.517
1 - Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	11.678.275.475	27.605.100.104
3 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	406.950.191	11.007.654.829
4 - Phải trả người lao động	314		10.285.316.164	24.508.693.095
5 - Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	3.469.719.616	5.042.676.756
8 - Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19	3.160.411.622	777.524.935
9 - Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	31.087.778.873	4.390.253.126
10 - Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	20.905.357.144	20.905.357.144
12 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		16.246.174.018	10.820.130.528
II - Nợ dài hạn	330		111.208.315.815	126.637.124.058
7 - Phải trả dài hạn khác	337	V.18	1.223.000.000	900.000.000
8 - Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	109.753.124.998	125.432.142.856
11 - Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.21	232.190.817	304.981.202
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		537.917.314.763	577.162.344.688
I - Vốn chủ sở hữu	410	V.22	537.917.314.763	577.162.344.688
1 - Vốn góp của chủ sở hữu	411		339.999.600.000	339.999.600.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		339.999.600.000	339.999.600.000
8 - Quỹ đầu tư phát triển	418		205.419.172.908	170.411.314.026
11 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(7.501.458.145)	66.751.430.662
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.232.427.361	1.030.197.917
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(8.733.885.506)	65.721.232.745
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		746.365.613.681	808.856.859.263

Lập ngày 10 tháng 10 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Bảo Ngọc



Trần Thị Thanh Hương




BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
(Dạng đầy đủ)
Quý III năm 2025

Đơn vị tính : VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ III			Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý III	
			QUÝ III NĂM 2025	QUÝ III NĂM 2024	09 THÁNG NĂM 2024	09 THÁNG NĂM 2025	09 THÁNG NĂM 2024
1	2	3	4	5	6	7	
1 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.24	133.765.402.508	163.190.784.840	453.634.347.023	468.048.815.367	
3 - Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.26	133.765.402.508	163.190.784.840	453.634.347.023	468.048.815.367	
4 - Giá vốn hàng bán	11	VI.27	134.272.536.793	150.154.433.133	437.061.801.882	446.591.322.615	
5 - Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		(507.134.285)	13.036.351.707	16.572.545.141	21.457.492.752	
6 - Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.28	2.835.713.310	1.043.233.716	9.310.375.855	11.929.042.803	
7 - Chi phí tài chính	22	VI.29	2.790.709.701	8.973.362.273	8.139.726.037	9.235.328.030	
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		2.192.771.502	-	6.759.804.508	-	
8 - Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24						
9 - Chi phí bán hàng	25	VI.32	1.699.904.363	1.831.323.001	6.400.607.957	6.223.231.010	
10 - Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.32	6.799.497.677	7.096.494.882	19.815.424.751	19.895.076.042	
11 - Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)	30		(8.961.532.716)	(3.821.594.733)	(8.472.837.749)	(1.967.099.527)	
12 - Thu nhập khác	31	VI.30	911	100.000	155.672.428	33.369.084.408	
13 - Chi phí khác	32	VI.31	92.330.635	30.000.246	294.507.407	434.194.216	
14 - Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(92.329.724)	(29.900.246)	(138.834.979)	32.934.890.192	
15 - Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(9.053.862.440)	(3.851.494.979)	(8.611.672.728)	30.967.790.665	
16 - Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.34	6.142.881	44.954.714	195.003.163	6.375.715.048	
17 - Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.35	-	-	(72.790.385)	653.897.445	
18 - Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		(9.060.005.321)	(3.896.449.693)	(8.733.885.506)	23.938.178.172	
19 - Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(9.060.005.321)	(3.896.449.693)	(8.733.885.506)	23.938.178.172	
20 - Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62						
21 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70						704
22 - Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71						

Người lập biểu

Nguyễn Bảo Ngọc

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hương

Lập ngày 10 tháng 10 năm 2025



Dương Ngọc Tú

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Dạng đầy đủ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Quý III năm 2025

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý III	
			NĂM 2025	NĂM 2024
1	2	3	4	5
I - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1 - Lợi nhuận trước thuế	01		(8.611.672.728)	30.967.790.665
2 - Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		33.041.678.989	53.018.738.548
- Các khoản dự phòng	03		-	(52.160.400)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.485.091.633)	6.292.153.690
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.817.599.084)	(31.131.421.702)
- Chi phí lãi vay	06		6.759.804.508	
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3 - Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		24.887.120.052	59.095.100.801
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(28.193.030.852)	(13.510.539.541)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		10.525.984.481	(3.473.841.985)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(16.178.809.445)	(9.859.133.706)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		5.928.539.518	4.062.482.865
- Tiền lãi vay đã trả	14		(6.799.825.380)	(13.878.198.611)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(10.207.113.529)	(7.617.917.144)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		40.000.000	8.100.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4.725.124.929)	(2.899.052.218)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(24.722.260.084)	11.927.000.461
II - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1 - Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(6.181.278.656)	(23.126.796.539)
2 - Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		153.759.259	66.901.675.521
3 - Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(79.500.000.000)	(93.800.000.000)
4 - Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		170.500.000.000	90.000.000.000
6 - Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	39.106.800
7 - Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.035.752.152	3.332.309.413
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		90.008.232.755	43.346.295.195
III - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3 - Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4 - Tiền trả gốc vay	34	VII	(15.679.017.858)	-
6 - Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(2.600.000.000)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	40		(15.679.017.858)	(2.600.000.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ (50 = 20+30+40)	50		49.606.954.813	52.673.295.656
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60		138.606.671.177	225.987.361.934
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.289.722.894	(6.253.083.050)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ (70 = 50+60+61)	70		189.503.348.884	272.407.574.540

Lập ngày 10 tháng 10 năm 2025

NGƯỜI LẬP BIỂU

KÊ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Bảo Ngọc

Trần Thị Thanh Hương

Dương Ngọc Tú

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên -TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý III năm 2025 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Mẫu số B09-DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2025

I - ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1- Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần, Tổng công ty hàng hải Việt Nam sở hữu 51%; Công ty CP Container Việt Nam sở hữu 40,01%.

- Công ty có trụ sở chính đặt tại địa chỉ số 14 Võ Nguyên Giáp, phường An Biên, thành phố Hải Phòng.

- Tại thời điểm 30/09/2025, Công ty có các đơn vị phụ thuộc sau :

+ Các chi nhánh :

Chi nhánh Hồ Chí Minh tại 5E Nguyễn Đình Chiểu, quận I, Tp Hồ Chí Minh

Chi nhánh Đà Nẵng tại 26 Nguyễn Chí Thanh, thành phố Đà Nẵng

Chi nhánh Quảng ninh tại 73 Lê Thánh Tông, thành phố Hạ Long

- Công ty con: 01 công ty con được hợp nhất

Công ty TNHH Dịch vụ hàng hải Vinaship tại 280 Ngô Quyền, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Tại thời điểm 30/09/2025, Công ty có tổng số cán bộ công nhân viên là **491** người.

2- Lĩnh vực kinh doanh : vận tải đường biển

3- Ngành nghề kinh doanh :

- Kinh doanh vận tải biển;

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;

- Dịch vụ đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; dịch vụ giao nhận, nâng cầu, kiểm đếm hàng hóa; dịch vụ khai thuê hải quan; dịch vụ môi giới thuê tàu biển; môi giới hàng hải; dịch vụ cung ứng tàu biển; dịch vụ logistics; đại lý vé máy bay, vé tàu; dịch vụ môi giới vận tải; dịch vụ vận tải đa phương thức; đại lý container; khai thác cảng, biển; dịch vụ quản lý tàu;

- Dịch vụ hợp tác lao động ;

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày : khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ ;

- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;

- Bán buôn kinh doanh phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;

- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải biển;

- Bốc xếp hàng hóa;

- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa;...

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên -TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý III năm 2025 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

4- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong Quý III năm 2025 có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Đội tàu hàng khô Vinaship tính đến thời điểm hiện tại gồm 5 chiếc với tổng số tấn trọng tải là 100.016 DWT, tàu nhỏ nhất có trọng tải 6.500 DWT, tàu có trọng tải lớn nhất 28.189 DWT. Độ tuổi bình quân hơn 20 tuổi, trong đó có tàu Vinaship Sea và Vinaship Pearl lần lượt là 27 và 29 tuổi, tàu trẻ nhất 13 tuổi là tàu Vinaship Unity mới đầu tư cuối năm 2024. Đội tàu công ty vẫn chủ yếu khai thác trên tuyến Đông Bắc và Đông Nam Á với phương thức cho thuê chuyến kết hợp định hạn và mặt hàng chủ yếu vẫn là xi măng, clinker, gạo, phân bón.

Về mặt hàng gạo, trong quý III, thị trường Indonesia vẫn chưa thấy dấu hiệu nhập khẩu trở lại. Philippines đang tạm dừng nhập khẩu gạo trong 02 tháng kể từ ngày 01/09 nên Công ty phải chuyển 02 tàu Mỹ Hưng và Vinaship Gold sang khai thác mặt hàng có giá trị thấp và giá cước thấp hơn nhiều. Đối với nhóm tàu cũ 20.000-30.000 DWT gồm Vinaship Pearl, Vinaship Sea, thị trường chủ yếu vẫn là xi măng bịch Việt Nam xuất khẩu sang Philippines từ đầu năm đến nay khá ảm đạm về sản lượng và giá cước, hơn nữa vào quý III khu vực này bão gió, mưa nhiều khiến thời gian xếp dỡ hàng bị gián đoạn, ảnh hưởng đến hiệu quả khai thác của đội tàu. Tàu mới đầu tư Vinaship Unity do tình trạng kỹ thuật tốt hơn và tiêu hao nhiên liệu thấp hơn, có vùng hoạt động rộng hơn từ Bắc Á đến Vùng Vịnh, đem lại hiệu quả khả quan hơn các tàu cũ nhưng trong quý III hoàn toàn cho thuê định hạn nên doanh thu thấp hơn so với phương án khai thác chuyến.

Từ những nguyên nhân trên làm sụt giảm doanh thu của quý 3 so với quý trước và so với cùng kỳ. Việc thực hiện các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu, kết quả của hoạt động vận tải biển trong Quý III và 09 tháng năm 2025 chưa hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

I – KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN :

- 1- **Kỳ kế toán quý III :** bắt đầu từ ngày 01/07 và kết thúc vào ngày 30/09 của năm. Kỳ kế toán quý III năm 2025 bắt đầu từ ngày 01/07/2025 đến 30/09/2025.
- 2- **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán :** Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt nam.

III – CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG :

1- **Chế độ kế toán áp dụng :** Theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán :

- Công ty tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt nam đã được công bố.
- Công ty thực hiện theo đúng quy định của chế độ kế toán hiện hành.

3- Hình thức kế toán áp dụng :

- Tổ chức công tác kế toán tập trung.
- Hình thức sổ kế toán áp dụng : Phần mềm kế toán.

IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG :

1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền, tương đương tiền; nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán :

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên -TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý III năm 2025 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền : các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

-Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép là Đồng Việt nam. Đối với nghiệp vụ liên quan đến tiền, các khoản phải thu, phải trả đồng ngoại tệ được qui đổi ra đồng Việt nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo Tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ đảm bảo chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng tháng trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

Cuối niên độ kế toán quý, năm đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ:

- Đối với các khoản tiền gửi và tiền vay tại các ngân hàng: đánh giá theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại.
- Đối với các khoản phải thu, phải trả khác: đánh giá theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch.

2- Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho :

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho : theo giá gốc.
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho : giá bình quân gia quyền
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : kê khai thường xuyên
- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho : thực hiện theo thông tư số 48/2019/TT/BTC ngày 08/8/2019 của Bộ tài chính.

Việc quản lý hàng tồn kho theo chuẩn mực kế toán số 02.

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ :

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình ,vô hình : Theo chuẩn mực kế toán 03,04 và thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực TT 89/2002/TT-BTC ngày 9/10/2002 của Bộ tài chính; thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013, thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính. Ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình theo nguyên giá. Trong Bảng cân đối kế toán được phản ánh theo 3 chỉ tiêu: Nguyên giá, hao mòn lũy kế, giá trị còn lại.

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính : theo Chuẩn mực số 06; Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 của Bộ Tài chính.

- Phương pháp khấu hao và thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ hữu hình và vô hình : trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng và xác định thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ thực hiện theo thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

4- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Bất động sản đầu tư :

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư : theo Chuẩn mực số 05- Bất động sản đầu tư và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 23/2005/TT-BTC -30/3/2005 của Bộ Tài Chính. Ghi nhận bất động sản đầu tư theo nguyên giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên -TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý III năm 2025 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

- Nguyên tắc và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư : trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng và xác định thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ thực hiện theo thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính :

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào Công ty con theo Chuẩn mực số 25, Công ty liên kết theo Chuẩn mực số 07, Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo Chuẩn mực số 08.

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn : Các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm, được ghi nhận theo giá gốc.

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn : Các khoản đầu tư có thời thu hồi vốn từ 1 năm trở lên. Ghi nhận các khoản đầu tư tài chính theo giá gốc.

- Tại ngày lập báo cáo tài chính, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá chứng khoán.

- Dự phòng giảm giá chứng khoán, hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán được thực hiện theo thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ tài chính.

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay :

- Chính sách kế toán được áp dụng cho chi phí đi vay: Thực hiện theo chuẩn mực 16 “ Chi phí đi vay” và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực TT105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 : Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá. Việc vốn hoá chi phí đi vay vào giá trị tài sản dở dang được bắt đầu khi phát sinh chi phí đi vay trong thời gian đầu tư xây dựng, sản xuất dở dang cho đến tài sản đầu tư đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác :

- Chi phí trả trước : Khi phát sinh khoản chi phí lớn, có liên quan đến nhiều kỳ hạch toán kế toán.

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước : Từng kỳ hạch toán, kế toán phân bổ chi phí trả trước cho số kỳ liên quan. Chi phí sửa chữa lớn tàu biển sau khi hoàn thành sửa chữa sẽ được phân bổ vào chi phí trong thời gian tối đa 03 năm.

8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả :

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất , kinh doanh của kỳ báo cáo.

9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả :

- Nguyên tắc ghi nhận : theo chuẩn mực số 18 “ Các khoản dự phòng và nợ tiềm tàng” : Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút về những lợi ích kinh tế ; có một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

- Phương pháp ghi nhận : được hướng dẫn tại Thông tư số 21/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 : Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Khoản dự phòng phải trả được lập vào cuối niên độ kế toán.

10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu :

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên -TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý III năm 2025 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu , thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu :
- + Vốn đầu tư của chủ sở hữu : ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- + Thặng dư vốn cổ phần : ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu.
- + Vốn khác của chủ sở hữu: ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân biếu tặng sau khi trừ đi khoản thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá : Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, thông tư 53/2016/TT-BTC.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối : chênh lệch giữa doanh thu, thu nhập trừ đi chi phí ,thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm nay; các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước được hạch toán vào lợi nhuận chưa phân phối.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu :

Doanh thu được ghi nhận theo Chuẩn mực số 14 “ Doanh thu và thu nhập khác”, Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực số 105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 của BTC.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng : Khi Công ty đã chuyển giao quyền sở hữu hàng hoá, sản phẩm và xuất hoá đơn bán hàng, được người mua chấp nhận thanh toán.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ : Khi công ty hoàn thành việc cung cấp dịch vụ cho người mua; hoàn thành hợp đồng. Đối với trường hợp hoạt động dịch vụ diễn ra trong nhiều kỳ, doanh thu sẽ được phân bổ theo tỷ lệ hoàn thành tại ngày cuối kỳ.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính :

+ Đối với lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu thì thời điểm xác định doanh thu theo thời gian của hợp đồng cho vay hoặc kỳ nhận lãi.

+ Cổ tức, lợi nhuận được chia xác định khi có quyết định, nghị quyết hoặc thông báo được chia.

+ Lãi chuyển nhượng chứng khoán.

+ Lãi bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh xác định khi các giao dịch hoặc nghiệp vụ hoàn thành.

12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính :

Ghi nhận chi phí tài chính các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh, lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính cuối quý, năm.

13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại : theo Chuẩn mực số 17, Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của BTC.

14- Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái : Không có

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyễn Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý III năm 2025 kết thúc ngày 30/09/2025

V - THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1- Tiền	30/09/2025	01/01/2025
- Tiền mặt	808.049.000	673.792.000
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	157.195.299.884	135.593.936.164
- Các khoản tương đương tiền	31.500.000.000	2.338.943.013
Cộng	189.503.348.884	138.606.671.177
2- Các khoản đầu tư tài chính	30/09/2025	01/01/2025
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	42.000.000.000	133.000.000.000
b1) Ngắn hạn		
- Tiền gửi có kỳ hạn	42.000.000.000	133.000.000.000
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
- Đầu tư cổ phiếu	1.437.338	1.437.338
<i>Chi tiết đầu tư cổ phiếu tính đến 30/09/2025</i>		
Công ty CP vận tải và thuê tàu biển Việt Nam : 86 CP	1.369.070	1.369.070
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam: 2 CP	68.268	68.268
Cộng	42.001.437.338	133.001.437.338
d) Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		
Công ty CP vận tải và thuê tàu biển Việt Nam: 86 CP	(1.128.270)	(1.128.270)
Cộng	(1.128.270)	(1.128.270)
3- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	30/09/2025	01/01/2025
-Fortem cement corporation	2.156.444.388	-
- Bright Spring Internation Ltd	-	-
- Công ty TNHH vận tải hàng công nghệ cao	274.895.241	343.717.388
- Công ty CO TMVT XNK Thiên Phúc	3.523.885.776	-
- Cty TNHH Vận tải biển và DVHH Thiên Phúc	12.485.261.820	-
- Công ty CP Cảng Xanh Vip	1.877.809.781	1.033.353.396
- Công ty CP Cảng Nam Đình Vũ	2.634.242.882	2.009.134.476
- Các khoản phải thu của khách hàng khác	7.408.944.547	7.687.796.803
Cộng	30.361.484.435	11.074.002.063

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý III năm 2025 kết thúc ngày 30/09/2025

4- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	30/09/2025	01/01/2025
- Tạm ứng	3.221.659.811	2.237.847.707
- Ký cược, ký quỹ	48.549.000	32.000.000
- Phải thu tiền bảo hiểm về trách nhiệm dân sự và thân tàu của tàu biển	3.649.132.811	4.287.420.941
- Phải thu về sửa chữa tàu chi hộ Công ty Vinashinlines	7.342.487.574	7.342.487.574
- Bảo hiểm xã hội	88.936.768	177.127.032
- Bảo hiểm y tế	17.315.867	12.811.854
- Bảo hiểm thất nghiệp	11.523.548	8.301.616
- Lãi dự thu	1.105.353.429	1.477.265.756
- Các khoản phải thu khác	474.135.683	53.316.568
+ Phải thu khác	<u>474.135.683</u>	<u>53.316.568</u>
Cộng	<u>15.959.094.491</u>	<u>15.628.579.048</u>

5- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	30/09/2025	01/01/2025
- CN Bạch Đằng - Cty TNHH MTV Duyên Hải	247.550.379	247.550.379
- Công ty Vinashinlines	7.342.487.574	7.342.487.574
- Cty CP thương mại vận tải Thiên Thành	158.378.400	158.378.400
- Cty TNHH Giao nhận vận tải Hoàng Kim Phát	1.104.934.000	1.104.934.000
- Nguyễn Văn Bình	358.500.000	358.500.000
- Cty TNHH Thương mại và sản xuất ABC	90.761.500	90.761.500
- Cty TNHH Xây dựng sản xuất thương mại Hoàng Hà	<u>199.080.000</u>	<u>199.080.000</u>
Cộng	<u>9.501.691.853</u>	<u>9.501.691.853</u>

6- Hàng tồn kho	30/09/2025	01/01/2025
- Nguyên liệu, vật liệu	29.283.199.664	38.164.830.442
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	1.738.248.703
- Công cụ, dụng cụ	<u>120.870.000</u>	<u>26.975.000</u>
Cộng	<u>29.404.069.664</u>	<u>39.930.054.145</u>

7- Xây dựng cơ bản dở dang	30/09/2025	01/01/2025
+ Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	957.343.997
+ TSCĐ đang mua sắm	<u>-</u>	<u>267.000.000</u>
Cộng	<u>-</u>	<u>1.224.343.997</u>

8 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình trong 09 tháng 2025

CHỈ TIÊU	NHÓM TSCĐ	NHÀ CỬA VẬT KIẾN TRÚC	PH.TIỆN VẬN TẢI TRUYỀN DẪN	MÁY MÓC THIẾT BỊ	DỤNG CỤ QUẢN LÝ	TỔNG CỘNG
I - NGUYÊN GIÁ						
1. Số dư đầu kỳ		83.343.254.061	1.116.937.998.783	5.102.897.024	6.349.002.098	1.211.733.151.966
2. Số tăng trong kỳ		28.993.352	309.207.222	-	-	338.200.574
Trong đó:						
- Do mua sắm			309.207.222			309.207.222
- Đầu tư XDCB hoàn thành		28.993.352				28.993.352
- Chuyển từ Bất động sản đầu tư sang						-
3. Số giảm trong kỳ		-	1.107.377.729	-	-	1.107.377.729
Trong đó:						
- Thanh lý, nhượng bán			1.107.377.729			1.107.377.729
- Khác						-
4. Số cuối kỳ		83.372.247.413	1.116.139.828.276	5.102.897.024	6.349.002.098	1.210.963.974.811
Trong đó:						
- Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng		3.489.596.756	618.694.081.113	60.431.830	216.281.662	622.460.391.361
II - GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
1. Đầu kỳ		7.666.430.501	786.126.278.626	471.796.901	995.794.510	795.260.300.538
2. Tăng trong kỳ		2.438.299.395	28.249.733.668	613.638.504	1.145.913.498	32.447.585.065
- Khấu hao		2.438.299.395	28.249.733.668	613.638.504	1.145.913.498	32.447.585.065
- Chuyển từ Bất động sản đầu tư sang						-
3. Giảm trong kỳ		-	1.107.377.729	-	-	1.107.377.729
- Thanh lý, nhượng bán			1.107.377.729			1.107.377.729
- Khác						-
4. Số cuối kỳ		10.104.729.896	813.268.634.565	1.085.435.405	2.141.708.008	826.600.507.874
III - GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
1. Đầu kỳ		75.676.823.560	330.811.720.157	4.631.100.123	5.353.207.588	416.472.851.428
2. Cuối kỳ		73.267.517.517	302.871.193.711	4.017.461.619	4.207.294.090	384.363.466.937
- Giá trị còn lại của các TSCĐ đã dùng để thế chấp, cầm cố các khoản vay			272.938.572.856			272.938.572.856

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý III năm 2025 kết thúc ngày 30/09/2025

9 - Tăng, giảm tài sản cố định vô hình 09 tháng 2025

CHỈ TIÊU	NHÓM TSCĐ	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT	PHẦN MỀM MÁY VI TÍNH	TỔNG CỘNG
I - NGUYÊN GIÁ				
1. Số dư đầu kỳ		-	664.654.500	664.654.500
2. Số tăng trong kỳ		-	-	-
3. Số giảm trong kỳ		-	-	-
4. Số cuối kỳ		-	664.654.500	664.654.500
II - GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
1. Đầu kỳ		-	664.654.500	664.654.500
2. Tăng trong kỳ		-	-	-
- Khấu hao				-
4. Số cuối kỳ		-	664.654.500	664.654.500
III - GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
1. Đầu kỳ		-	-	-
2. Cuối kỳ		-	-	-

10 - Tăng, giảm TSCĐ thuê tài chính 09 tháng 2025 : Không có**11 - Tăng, giảm bất động sản đầu tư 09 tháng 2025 :**

CHỈ TIÊU	NHÓM TSCĐ	NHÀ	CƠ SỞ HẠ TẦNG	TỔNG CỘNG
I - NGUYÊN GIÁ				
1. Số dư đầu kỳ		2.627.505.019	21.072.499.632	23.700.004.651
2. Số tăng trong kỳ		-	-	-
3. Số giảm trong kỳ		-	-	-
- Chuyển sang CCDC theo TT45				-
4. Số cuối kỳ		2.627.505.019	21.072.499.632	23.700.004.651
II - GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
1. Số dư đầu kỳ		2.627.505.019	18.432.082.235	21.059.587.254
2. Số tăng trong kỳ		-	594.093.924	594.093.924
- Do chuyển từ TSCĐ sang				
- Do trích khấu hao		-	594.093.924	594.093.924
3. Số giảm trong kỳ		-	-	-
- Chuyển sang TSCĐ				
4. Số dư cuối kỳ		2.627.505.019	19.026.176.159	21.653.681.178
III - Giá trị còn lại				
1. Số dư đầu kỳ		-	2.640.417.397	2.640.417.397
4. Số dư cuối kỳ		-	2.046.323.473	2.046.323.473

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý III năm 2025 kết thúc ngày 30/09/2025

12- Chi phí trả trước	30/09/2025	01/01/2025		
a) Ngắn hạn				
- Chi phí bảo hiểm đội tàu	2.320.609.362	2.198.968.985		
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	30.855.832	62.550.000		
Cộng	2.351.465.194	2.261.518.985		
b) Dài hạn				
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	19.919.305.471	25.668.724.065		
- Chi phí trả trước trang thiết bị đồ dùng tòa nhà	1.280.426.527	1.829.180.746		
- Chi phí làm mái che chống nóng	85.727.812	50.334.228		
- Chi phí mua máy bộ đàm cho bộ phận bốc xếp	167.475.000	-		
- Chi phí trả trước dài hạn khác	250.989.930	174.171.428		
Cộng	21.703.924.740	27.722.410.467		
14- Vay và nợ thuê tài chính	30/09/2025	01/01/2025		
a) Vay ngắn hạn	-	-		
b) Vay dài hạn	130.658.482.142	146.337.500.000		
- Kỳ hạn từ 01 năm trở xuống	20.905.357.144	20.905.357.144		
+ Vay Ngân hàng TMCP Hàng hải	20.905.357.144	20.905.357.144		
- Kỳ hạn từ 01 năm trở lên	109.753.124.998	125.432.142.856		
+ Vay Ngân hàng TMCP Hàng hải	109.753.124.998	125.432.142.856		
Cộng	130.658.482.142	146.337.500.000		
15- Phải trả người bán	30/09/2025	01/01/2025		
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Cty TNHH MTV Petrolimex Hải Phòng	2.327.240.400	-		
Cty CP Xuất nhập khẩu Kim Việt	2.617.307.489	-		
Cty CP Việt Đức	1.020.431.000	710.733.020		
PT Indofuels Ltd	-	8.521.857.720		
Công ty TNHH thương mại xăng dầu Thành Long	-	6.367.400.000		
Công ty CP Xây dựng GM	-	3.512.784.658		
Phải trả các đối tượng khác	5.713.296.586	8.492.324.706		
Cộng	11.678.275.475	27.605.100.104		
16- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	30/09/2025	Số đã nộp	Số phải nộp	01/01/2025
a) Phải nộp				
- Thuế GTGT	320.842.983	3.364.937.832	2.834.328.707	851.452.108
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	152.122.208	152.122.208	-
- Thuế nhập khẩu	-	34.168.335	34.168.335	-
- Thuế TNDN	6.142.881	10.207.113.529	173.311.670	10.039.944.740
- Thuế môn bài	-	7.000.000	7.000.000	-
- Thuế thu nhập cá nhân	79.964.327	714.694.727	678.401.073	116.257.981
- Thuế nhà đất	-	2.240.784	2.240.784	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	159.772	159.772	-
Cộng	406.950.191	14.482.437.187	3.881.732.549	11.007.654.829

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý III năm 2025 kết thúc ngày 30/09/2025

	30/09/2025	Số đã nộp	Số phải nộp	01/01/2025
b) Phải thu				
- Thuế TNCN nộp thừa cho Nhà nước	-	-	-	-
- Thuế TNDN nộp thừa cho Nhà nước	-	-	21.691.493	21.691.493
- Tiền thuê đất do được bù trừ	620.014.583	65.261.700	985.164.698	1.539.917.581
Cộng	620.014.583	65.261.700	1.006.856.191	1.561.609.074
17- Chi phí phải trả	30/09/2025			01/01/2025
a) Ngắn hạn				
- Chi phí phải trả lãi vay	116.339.744			156.360.616
- Trích trước chi phí XDCB lô đất TM8	-			231.481.481
- Chi phí phải trả khác	3.353.379.872			4.654.834.659
Cộng	3.469.719.616			5.042.676.756
18- Phải trả khác	30/09/2025			01/01/2025
Ngắn hạn				
- Công đoàn phí	126.886.482			112.610.450
- Kinh phí công đoàn	209.609.289			744.000
- Bảo hiểm y tế	-			55.640.320
- Bảo hiểm thất nghiệp	165.724.241			135.738.001
- Thuế TNCN	100.075.335			19.039.863
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7.353.500.000			24.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	20.907.351.000			507.375.000
- Phải trả lương tạm giữ của thuyền viên	1.477.584.453			1.471.921.383
- Thu chi hộ	-			224.752.418
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	747.048.073			1.838.431.691
Cộng	31.087.778.873			4.390.253.126
Dài hạn				
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.223.000.000			900.000.000
Cộng	1.223.000.000			900.000.000
19- Doanh thu chưa thực hiện	30/09/2025			01/01/2025
Ngắn hạn				
- Doanh thu nhận trước từ hoạt động vận tải biển	1.907.016.000			-
- Doanh thu nhận trước tiền thuê văn phòng, bãi xe	1.253.395.622			777.524.935
Cộng	3.160.411.622			777.524.935
21- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập	30/09/2025			01/01/2025
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-			-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	232.190.817			304.981.202

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý III năm 2025 kết thúc ngày 30/09/2025

V22- Trình bày những biến động trong nguồn vốn chủ sở hữu:

a - Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu 09 tháng năm 2025

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	3	4	5
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	146.220.778.825	170.441.911.253	516.662.690.078
Tăng trong năm trước				-
- Lãi năm 2024			65.721.232.745	65.721.232.745
- Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2022		133.722.357.597	(133.722.357.597)	-
- Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2023		30.467.777.604	(35.689.355.739)	(5.221.578.135)
- Phát hành tăng vốn cổ phần từ Quỹ đầu tư phát triển	139.999.600.000	(139.999.600.000)		-
Số dư cuối năm trước	339.999.600.000	170.411.314.026	66.751.430.662	577.162.344.688
Số dư đầu năm nay	339.999.600.000	170.411.314.026	66.751.430.662	577.162.344.688
- Lãi Quý I			82.925.145	82.925.145
- Lãi Quý II			243.194.670	243.194.670
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận		35.007.858.882	(35.007.858.882)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận			(10.111.168.419)	(10.111.168.419)
- Chia cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận			(20.399.976.000)	(20.399.976.000)
- Lỗ Quý III			(9.060.005.321)	(9.060.005.321)
Số dư cuối ngày 30/09/2025	339.999.600.000	205.419.172.908	(7.501.458.145)	537.917.314.763

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý III năm 2025 kết thúc ngày 30/09/2025

	30/09/2025	01/01/2025
b - Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu:		
- Vốn góp của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam 51% VDL	173.400.000.000	173.400.000.000
- Vốn góp của Công ty CP Container Việt Nam Viconship 40,01% VDL	136.032.400.000	136.032.400.000
- Vốn góp của các cổ đông khác 8,99% VDL	30.567.200.000	30.567.200.000
Cộng	339.999.600.000	339.999.600.000
c - Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:		
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu (nguồn vốn kinh doanh)	09 tháng năm 2025	09 tháng năm 2024
+ Vốn góp đầu kỳ	339.999.600.000	200.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	139.999.600.000
- Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu		139.999.600.000
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	339.999.600.000	339.999.600.000
d) Cổ phiếu	09 tháng năm 2025	09 tháng năm 2024
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành đầu kỳ	33.999.960	20.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	33.999.960	20.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	33.999.960	20.000.000
-Số lượng cổ phiếu phát hành trong kỳ	-	13.999.960
+ Cổ phiếu phổ thông	-	13.999.960
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành cuối kỳ	33.999.960	33.999.960
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000 VNĐ/CP	10.000 đ/CP
e) Các quỹ của doanh nghiệp	09 tháng năm 2025	09 tháng năm 2024
- Quỹ đầu tư phát triển		
+ Số dư quỹ đầu năm	170.411.314.026	146.220.778.825
+ Tăng trong kỳ	35.007.858.882	164.190.135.201
+ Giảm trong kỳ	-	139.999.600.000
- Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu		139.999.600.000
+ Số dư quỹ cuối kỳ	205.419.172.908	170.411.314.026
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi		
+ Số dư quỹ đầu năm	10.820.130.528	12.344.591.210
+ Tăng trong kỳ	10.111.168.419	5.229.678.135
Do trích lập quỹ khen thưởng từ phân phối lợi nhuận	4.941.204.019	2.479.410.494
Do trích lập quỹ phúc lợi từ phân phối lợi nhuận	4.941.204.019	2.522.238.693
Do trích lập quỹ thưởng ban quản lý điều hành công ty	228.760.381	219.928.948
Do nguồn khác	-	8.100.000
+ Giảm trong kỳ	4.685.124.929	2.899.052.218
+ Số dư quỹ cuối kỳ	16.246.174.018	14.675.217.127
23- Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán	30/09/2025	01/01/2025
a) Ngoại tệ các loại		
-Đồng đô la Mỹ (USD)	5,262,428.31	5.001.736,43
b) Nợ khó đòi đã xử lý	1.180.624.375	1.180.624.375
- Khách hàng Liana	59.231.742	59.231.742
- Khách hàng Sky Ocean Shipping	484.952.633	484.952.633
- Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Tân Đông Thuận	636.440.000	636.440.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyễn Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý III năm 2025 kết thúc ngày 30/09/2025

VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

	09 tháng năm 2025	09 tháng năm 2024
24- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (MS 01)	453.634.347.023	468.048.815.367
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	453.634.347.023	468.048.815.367
+ Doanh thu hoạt động vận tải biển	283.134.614.452	326.771.319.911
+ Doanh thu hoạt động vận tải biển thuê tàu ngoài	106.765.003.833	91.057.098.738
+ Doanh thu cho thuê văn phòng, bất động sản đầu tư	6.316.846.806	3.797.257.081
+ Hoạt động khai thác biển và dịch vụ hàng hải	48.015.084.594	36.939.649.965
+ Doanh thu cung cấp hàng hóa, dịch vụ	608.476.592	541.196.016
+ Doanh thu bán hàng khác	8.794.320.746	8.942.293.656
26- Doanh thu thuần về BG và cung cấp DV (MS 10)	453.634.347.023	468.048.815.367
27- Giá vốn hàng bán (Mã số 11)	09 tháng năm 2025	09 tháng năm 2024
- Giá vốn của hoạt động vận tải biển	276.992.207.945	314.420.033.660
- Giá vốn của hoạt động vận tải biển thuê tàu ngoài	103.906.674.182	87.372.436.309
- Giá vốn của hoạt động cho thuê văn phòng, bất động sản đầu tư	1.912.698.715	1.971.346.056
- Giá vốn của hoạt động khai thác biển và dịch vụ hàng hải	45.022.718.110	33.532.304.416
- Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ	438.439.163	397.551.082
- Giá vốn bán hàng bột đá	-	-
- Giá vốn bán hàng khác	8.789.063.767	8.897.651.092
Cộng	437.061.801.882	446.591.322.615
28- Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)	09 tháng năm 2025	09 tháng năm 2024
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.663.839.825	2.359.274.071
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	3.161.444.397	9.569.768.732
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	1.485.091.633	-
Cộng	9.310.375.855	11.929.042.803
29- Chi phí tài chính (Mã số 22)	09 tháng năm 2025	09 tháng năm 2024
- Chi phí lãi vay	6.759.804.508	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.379.921.309	2.975.345.578
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	6.292.153.690
- Lỗ bán chứng khoán VST	-	14.893.200
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	-	(47.160.400)
- Chi phí tài chính khác	220	95.962
Cộng	8.139.726.037	9.235.328.030
30- Thu nhập khác	09 tháng năm 2025	09 tháng năm 2024
-Thu nhập thanh lý TSCĐ	160.000.000	67.202.500.000
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	(6.240.741)	(38.415.459.169)
- Thu nhập do được miễn nghĩa vụ phải trả khoản lãi phạt phải trả ngân hàng	-	4.532.735.541
- Các khoản khác	1.913.169	49.308.036
Cộng	155.672.428	33.369.084.408
31- Chi phí khác	09 tháng năm 2025	09 tháng năm 2024
- Các khoản bị phạt	159.772	3.250
- Các khoản khác	294.347.635	434.190.966
Cộng	294.507.407	434.194.216

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyễn Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý III năm 2025 kết thúc ngày 30/09/2025

	09 tháng năm 2025	09 tháng năm 2024
32- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
a) Chi phí bán hàng	6.400.607.957	6.223.231.010
Hoa hồng phí	6.400.607.957	6.223.231.010
b) Chi phí quản lý doanh nghiệp	19.815.424.751	19.895.076.042
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.142.415.139	924.153.594
Chi phí nhân công	10.871.047.998	13.118.083.220
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.688.749.494	1.792.719.057
Thuế, phí, lệ phí	430.426.241	16.828.038
Chi phí trích lập dự phòng phải thu khó đòi	-	(5.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.751.273.407	1.777.788.560
Chi phí khác bằng tiền	1.931.512.472	2.270.503.573
Cộng	26.216.032.708	26.118.307.052
33- Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	09 tháng năm 2025	09 tháng năm 2024
33.1- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	126.686.415.224	138.588.602.819
33.2- Chi phí nhân công	72.169.335.307	70.911.339.069
- Tiền lương	59.512.875.000	58.712.655.000
- BHXH	5.273.325.284	5.190.933.160
- Bảo hiểm y tế	698.161.789	662.285.136
- Bảo hiểm thất nghiệp	301.323.876	296.624.752
- Kinh phí công đoàn	603.096.137	593.476.016
- Tiền ăn ca, định lượng, phụ cấp độc hại	5.780.553.221	5.455.365.005
33.3- Thuế, phí và lệ phí	894.523.973	
33.4- Chi phí khấu hao tài sản cố định	33.041.678.989	53.018.738.548
33.5- Chi phí dịch vụ mua ngoài	214.688.530.541	193.368.074.219
33.6- Chi phí khác bằng tiền	5.270.038.086	7.930.223.920
Cộng	452.750.522.120	463.816.978.575
34- Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	195.003.163	6.375.715.048
35- Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(72.790.385)	653.897.445
VII- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09 tháng năm 2025	09 tháng năm 2024
a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ	-	-
- Tiền thu từ đi vay	-	-
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ	15.679.017.858	-
- Tiền trả nợ gốc vay	15.679.017.858	-
VIII- GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN	09 tháng năm 2025	09 tháng năm 2024
1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt		
Thu nhập của các thành viên trong Ban giám đốc, HĐQT và người quản lý	2.625.618.518	2.210.132.834
Ông Nguyễn Ngọc Ánh - Chủ tịch HĐQT	88.000.000	60.000.000
Ông Vương Ngọc Sơn - Phó chủ tịch HĐQT	39.000.000	86.000.000
Ông Dương Ngọc Tú - Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc	718.669.399	636.088.358
Bà Vũ Thị Phương Thảo - Thành viên HĐQT	72.000.000	24.000.000
Ông Phạm Bá Chính - Thành viên HĐQT	39.000.000	50.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý III năm 2025 kết thúc ngày 30/09/2025

Ông Vũ Ngọc Lâm - Thành viên HĐQT	33.000.000	-
Ông Lê Quang Huy - Thành viên HĐQT	33.000.000	-
Ông Lê Văn Thái - Phó Tổng giám đốc	509.045.180	487.655.972
Ông Đoàn Minh Thân - Phó Tổng giám đốc	463.146.282	-
Bà Trần Thị Thanh Hương - Kế toán trưởng	461.757.657	431.572.114
Bà Lã Thị Liên Hương - Trưởng ban kiểm soát	72.000.000	50.000.000
Bà Nguyễn Hà Thanh - Thành viên Ban kiểm soát	24.000.000	35.000.000
Ông Phan Văn Hưng - Thành viên ban kiểm soát	24.000.000	35.000.000
Bà Đặng Thanh Tâm - Thành viên ban kiểm soát	27.000.000	-
Ông Chu Thế Nga - Thành viên ban kiểm soát	17.000.000	-
2. Giao dịch với các bên liên quan		
2.1. Phải thu ngắn hạn khách hàng	30/09/2025	01/01/2025
Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao tại Hải Phòng	274.895.241	358.689.457
Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ	602.940.996	693.407.790
Công ty CP Cảng xanh VIP	1.877.809.781	1.033.353.396
Công ty TNHH MTV dịch vụ Cảng Xanh	373.213.116	506.925.972
Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics xanh	299.382.178	331.580.684
Cộng	3.428.241.312	2.923.957.299
2.2. Phải trả người bán ngắn hạn	30/09/2025	01/01/2025
Công ty CP thương mại và dịch vụ VOSCO	-	90.810.500
Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao tại Hải Phòng	-	20.940.267
Cộng	-	111.750.767
2.3. Phải trả, phải nộp khác	30/09/2025	01/01/2025
Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	10.404.000.000	-
Công ty CP Container Việt Nam	8.161.944.000	-
Công ty TNHH MTV dịch vụ Cảng Xanh	6.300.000	-
Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics xanh	35.820.000	-
Cộng	18.608.064.000	-
2.4. Doanh thu	09 tháng năm 2025	09 tháng năm 2024
Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao tại Hải Phòng	777.423.780	994.633.873
Công ty CP Cảng Hải Phòng	-	124.600.000
Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ	4.455.557.750	-
Công ty CP Cảng xanh VIP	8.007.875.480	-
Công ty TNHH MTV dịch vụ Cảng Xanh	3.131.520.000	-
Công ty CP đầu tư dịch vụ và phát triển xanh	70.400.000	-
Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics xanh	2.999.527.687	-
Cộng	19.442.304.697	1.119.233.873
2.6. Mua hàng hóa dịch vụ	09 tháng năm 2025	09 tháng năm 2024
Công ty con - Công ty TNHH Dịch vụ hàng hải Vinaship	-	-
Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao tại Hải Phòng	-	9.252.880
Công ty CP thương mại và dịch vụ VOSCO	1.610.740.000	1.672.635.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng Xanh	1.562.950	-
Cộng	1.612.302.950	1.681.887.880

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý III năm 2025 kết thúc ngày 30/09/2025

4) Trình bày doanh thu, chi phí, kết quả SXKD theo từng hoạt động:

Các hoạt động	Quý III năm 2025	09 tháng năm 2025	Quý III năm 2024	09 tháng năm 2024
Vận tải biển				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	83.983.272.063	283.134.614.452	106.557.125.610	326.771.319.911
- Chi phí	95.019.301.870	299.489.354.383	104.914.500.168	337.751.439.576
- Lợi nhuận	(11.036.029.807)	(16.354.739.931)	1.642.625.442	(10.980.119.665)
Vận tải biển thuê tàu ngoài				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	29.117.693.403	106.765.003.833	38.291.656.000	91.057.098.738
- Chi phí	28.762.078.922	104.850.402.424	37.103.072.751	87.372.436.309
- Lợi nhuận	355.614.481	1.914.601.409	1.188.583.249	3.684.662.429
Hoạt động cho thuê VP & BĐS đầu tư				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	2.255.834.551	6.316.846.806	1.820.844.289	3.797.257.081
- Chi phí	601.948.515	1.952.698.715	863.175.123	1.971.346.056
- Lợi nhuận	1.653.886.036	4.364.148.091	957.669.166	1.825.911.025
Hoạt động khai thác cảng biển và DV hàng hải				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	17.403.887.217	48.015.084.594	12.212.360.373	36.939.649.965
- Chi phí	17.380.160.406	47.757.876.138	11.998.190.409	36.319.205.552
- Lợi nhuận	23.726.811	257.208.456	214.169.964	620.444.413
Hoạt động dịch vụ khác				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	226.244.892	608.476.592	196.287.613	541.196.016
- Chi phí	166.732.556	438.439.163	132.513.121	397.551.082
- Lợi nhuận	59.512.336	170.037.429	63.774.492	143.644.934
Hoạt động bán hàng				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	778.470.382	8.794.320.746	4.112.510.955	8.942.293.656
- Chi phí	841.716.564	8.789.063.767	4.070.799.444	8.897.651.092
- Lợi nhuận	(63.246.182)	5.256.979	41.711.511	44.642.564
Hoạt động tài chính				
- Doanh thu tài chính	2.835.713.310	9.310.375.855	1.043.233.716	11.929.042.803
- Chi phí tài chính	2.790.709.701	8.139.726.037	8.973.362.273	9.235.328.030
- Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	45.003.609	1.170.649.818	(7.930.128.557)	2.693.714.773
Hoạt động khác				
- Thu nhập hoạt động khác	911	155.672.428	100.000	33.369.084.408
- Chi phí hoạt động khác	92.330.635	294.507.407	30.000.246	434.194.216
- Lợi nhuận hoạt động khác	(92.329.724)	(138.834.979)	(29.900.246)	32.934.890.192

Người lập

Kế toán trưởng



Nguyễn Bảo Ngọc



Trần Thị Thanh Hương


Tổng giám đốc

Đương Ngọc Tú